

**Tài liệu tham vấn cho các
bên liên quan của
Fairtrade**

**Đánh giá giá cả cho cà
phê Fairtrade**



Thời gian lấy ý kiến:
09/02/2026 – 30/03/2026

Quản lý dự án:
Andrea Urioste a.urioste@fairtrade.net
Tatiana Casagua t.casagua@fairtrade.net



Mục lục

Từ điển	3
Vai trò của bạn trong việc định hình giá cà phê Fairtrade	4
Bước tiếp theo	5
Phần 1 Giới thiệu	6
Bối cảnh thị trường.....	7
Phạm vi đánh giá.....	7
Mục tiêu chính	8
Giá cà phê Fairtrade hiện tại	8
Chi phí sản xuất cà phê	9
Phương pháp	10
Phần 2: Tham vấn	11
1. Thông tin về tổ chức của bạn.....	12
2. Tham vấn về Giá tối thiểu Fairtrade.....	14
2.1 Arabica truyền thống	15
2.2 Robusta thông thường	18
3. Tham vấn về Phụ cấp hữu cơ.....	21
4. Tư vấn về Phí bảo hiểm Fairtrade	23
5. Tham vấn về ngày hiệu lực	25
6. Phản hồi bổ sung.....	26

Disclaimer/ Penyanggahan

Language Disclaimer: This document has been translated into **Vietnamese** for the convenience of the stakeholders. While every effort has been made to ensure the accuracy of the translation, please be advised that the official version of this document is the English, Spanish or Portuguese version. In the event of any discrepancies, spelling errors, or ambiguities in interpretation between the two versions, the English text shall prevail and be used as the definitive reference.

Penyanggahan Bahasa: **Thông báo miễn trừ trách nhiệm ngôn ngữ:** Tài liệu này đã được dịch sang **tiếng Việt** nhằm tạo sự thuận tiện cho các bên liên quan. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức để đảm bảo tính chính xác của bản dịch, vui lòng lưu ý rằng phiên bản chính thức của tài liệu này là phiên bản tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Bồ Đào Nha. Trong trường hợp có sự khác biệt, lỗi chính tả hoặc sự mơ hồ trong cách giải thích giữa hai phiên

Từ điển

CLAC	Mạng lưới các nhà sản xuất Mỹ Latinh và Caribe
COSP	Chi phí sản xuất bền vững
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp
FTA	Mạng lưới các nhà sản xuất Fairtrade Châu Phi
FMP	Giá tối thiểu Fairtrade
FOB	Giao hàng trên tàu
FP	Phụ cấp Fairtrade
GBE	Tương đương đậu xanh
HREDD	Thẩm định nhân quyền và môi trường
ICO	Tổ chức Cà phê Quốc tế
NAPP	Mạng lưới các nhà sản xuất châu Á và Thái Bình Dương
NFO	Tổ chức Thương mại Công bằng Quốc gia
SPO	Tổ chức Nhà sản xuất Quy mô Nhỏ
SC	Ủy ban Tiêu chuẩn

Vai trò của bạn trong việc xác định giá cà phê Fairtrade

Giá tối thiểu Fairtrade (FMP), Phụ cấp hữu cơ Fairtrade và Phụ cấp Fairtrade (FP) cho cà phê hiện đang được xem xét. Việc xem xét này là một phần của chu kỳ bốn năm mới để đánh giá giá cà phê Fairtrade, với mục tiêu đảm bảo rằng giá cả vẫn phù hợp và áp dụng cho tất cả các quốc gia sản xuất cà phê Fairtrade.

Theo mã thực hành tốt của ISEAL—nhấn mạnh rằng phản hồi của các bên liên quan phải được thu thập tích cực, ghi chép minh bạch và tích hợp có ý nghĩa vào quá trình ra quyết định—tài liệu này nhằm thiết lập các cơ chế chính thức để thu thập, phân tích và phản hồi ý kiến của các bên liên quan về các đề xuất sửa đổi FMP, FP và Phụ Cấp Hữu Cơ cho cà phê Fairtrade. Các đề xuất này dựa trên dữ liệu thu thập trong nghiên cứu chi phí sản xuất cà phê năm 2023–2024¹.

Để hỗ trợ việc tổng hợp và xử lý phản hồi của các bên liên quan, có phiên bản trực tuyến của bảng câu hỏi này. Vui lòng gửi phản hồi của quý vị qua [liên kết này](#). Nếu quý vị không thể sử dụng phiên bản trực tuyến, vui lòng điền vào bảng câu hỏi này trong Word và gửi lại đến standards-pricing@fairtrade.net.

Vui lòng gửi phản hồi của quý vị—qua biểu mẫu trực tuyến hoặc tài liệu Word này—trước ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Cách hoàn thành tài liệu này

Các nhóm đối tượng của cuộc tham vấn này là:

- Các tổ chức sản xuất cà phê được chứng nhận Fairtrade (SPOs).
- Các đơn vị được cấp phép Fairtrade và nhà bán lẻ, cũng như các nhà buôn cà phê được chứng nhận Fairtrade, bao gồm cả nhà rang xay, nhà xuất khẩu cà phê nhân, nhà nhập khẩu và các thương hiệu cà phê.
- Mạng lưới nhà sản xuất, Tổ chức Fairtrade Quốc gia, Fairtrade Quốc tế.
- Các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, nhà nghiên cứu và chuyên gia trong lĩnh vực.

Tất cả thông tin chúng tôi nhận được từ các bên tham gia sẽ được xử lý cẩn thận và giữ bí mật. Kết quả của cuộc tham vấn này sẽ chỉ được thông báo dưới dạng tổng hợp. Tuy nhiên, khi phân tích dữ liệu, chúng tôi cần biết các phản hồi đến từ nhà sản xuất, nhà giao dịch, nhà phân phối, v.v., vì vậy chúng tôi kính mong quý vị cung cấp thông tin về tổ chức của mình

¹ Fairtrade International đã tiến hành một nghiên cứu về chi phí sản xuất cà phê dựa trên dữ liệu từ vụ mùa 2023–2024.

trong PHẦN 2, mục 1. Tất cả phản hồi sẽ được phân tích và sử dụng để phát triển các đề xuất cuối cùng cho việc ra quyết định của Ủy ban Tiêu chuẩn Fairtrade.

Bước tiếp theo

Đơn vị Định giá của Fairtrade International sẽ chuẩn bị một báo cáo tóm tắt kết quả của cuộc tham vấn, báo cáo này sẽ làm cơ sở cho đề xuất của Nhóm Dự án Cà phê được trình lên Ủy ban Tiêu chuẩn của Fairtrade International (SC) về FMP, FP và Phụ phí Hữu cơ. Kết quả quyết định của SC sẽ được thông báo qua email và trên trang web của Fairtrade International.

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng liên hệ với các Quản lý Dự án:

Quản lý Dự án Cao cấp - Andrea Urioste a.urioste@fairtrade.net

Quản lý Dự án - Tatiana Casagua t.casagua@fairtrade.net

Nếu bạn đang điền vào phiên bản trong Word, vui lòng gửi lại cho standards-pricing@fairtrade.net

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đóng góp ý kiến và những đóng góp quý báu cho quá trình này!



PHẦN 1

Giới thiệu

Bối cảnh thị trường

Fairtrade đang xem xét lại giá cà phê của mình – bao gồm FMP, Phụ phí Hữu cơ và FP – để đảm bảo chúng phản ánh thực tế kinh tế, địa chính trị và môi trường hiện nay, đồng thời tăng tỷ lệ giá trị trong chuỗi cung ứng. Các cơ chế định giá của Fairtrade (FMP, FP và Phụ phí Hữu cơ) được thiết kế để tạo ra một lớp đệm chống lại các cú sốc thị trường, giúp nông dân lập kế hoạch, đầu tư vào các thực hành bền vững và đóng góp vào sự ổn định lâu dài của chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu của Fairtrade.

Về cà phê Arabica Fairtrade

Cà phê Arabica chiếm khoảng 92% tổng lượng cà phê Fairtrade. Trong số đó, 78% là cà phê được xử lý ướt và 65% được chứng nhận hữu cơ. Các nhà sản xuất cà phê Arabica Fairtrade chính bao gồm Peru, Brazil, Colombia, Honduras, Mexico và Nicaragua. Các thị trường có doanh số bán cà phê Fairtrade cao nhất là Đức, Vương quốc Anh và Canada. Một số thị trường đang phát triển nhanh nhất là Na Uy, Nhật Bản, Ireland và Bỉ.

Về cà phê Robusta Fairtrade

Robusta chủ yếu được sử dụng trong các hỗn hợp, nhưng doanh số bán cà phê Robusta Fairtrade vẫn rất thấp so với cà phê Arabica Fairtrade. Robusta chiếm 8% tổng lượng cà phê Fairtrade, hầu hết đều được chế biến theo phương pháp tự nhiên. Các nhà sản xuất cà phê Robusta Fairtrade chính bao gồm Tanzania, Việt Nam, Uganda, Ấn Độ và Brazil, trong khi các thị trường chính là Vương quốc Anh, Đức, Hà Lan, Thụy Sĩ, Áo, Bỉ và Pháp.

Về cà phê hữu cơ Fairtrade

Tỷ lệ sản xuất hữu cơ đã tăng đáng kể, với nông nghiệp hữu cơ chiếm 53% tổng sản lượng vào năm 2023 ở một số khu vực, bao gồm các quốc gia như Guatemala, Peru và Ấn Độ. Mặc dù sản xuất cà phê đang chuyển sang hữu cơ, doanh số bán cà phê Fairtrade toàn cầu cho thấy cà phê hữu cơ chiếm gần ba phần tư (70%) tổng doanh số bán cà phê Fairtrade. Doanh số bán cà phê đã giảm, với dữ liệu năm 2023 cho thấy sự sụt giảm so với năm 2022.

Phụ phí hữu cơ Fairtrade được thiết lập để bù đắp chi phí thêm trong sản xuất cà phê hữu cơ và khuyến khích nông nghiệp hữu cơ. Ngay cả trong bối cảnh giá cao, phụ phí hữu cơ là một động lực quan trọng để ngăn chặn người sản xuất ngừng sản xuất hữu cơ và bù đắp gánh nặng tài chính thêm do các quy định của Liên minh Châu Âu (EU) gây ra.

Phạm vi đánh giá

Năm 2024 —dựa trên bài học từ quá khứ— các bên liên quan đến cà phê Fairtrade đã thông qua chu kỳ bốn năm để đánh giá giá cà phê Fairtrade. Phương pháp này nhằm mục đích thu

thập dữ liệu chi phí sản xuất và cập nhật giá một cách đều đặn và phù hợp với thời gian biểu đã định. Chu kỳ bắt đầu với việc thu thập dữ liệu chi phí sản xuất bền vững (COSP) cho vụ mùa 2023–2024, dữ liệu này làm cơ sở cho giai đoạn tham vấn hiện tại và đảm bảo tính nhất quán trong suốt chu kỳ bốn năm. Các điều chỉnh về lạm phát và tỷ giá hối đoái được áp dụng để cập nhật dữ liệu khi giai đoạn tham vấn bắt đầu.

Mục tiêu chính

- Phân tích chi phí sản xuất của các loại cà phê được thu thập từ các nhà sản xuất cà phê được chứng nhận Fairtrade và được xác minh bởi nhân viên hiện trường của Fairtrade.
- Đề xuất mức giá hỗ trợ sản xuất cà phê mà không gây ra tổn thất kinh tế hệ thống.
- Tương tác với các bên liên quan để thu thập phản hồi và hoàn thiện các mức giá đề xuất.
- Khám phá các mô hình định giá thay thế phù hợp với các điều kiện thị trường khác nhau.
- Đánh giá vai trò của Giá trong việc hỗ trợ sự ổn định thị trường lâu dài.

Giá cà phê Fairtrade hiện tại

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến 2023, Fairtrade International đã tiến hành đợt đánh giá giá cà phê cuối cùng, xác định mức giá cà phê Fairtrade toàn cầu hiện tại sau khi tham vấn với các bên liên quan.

Bảng 1.1 Bảng giá cà phê Fairtrade

Áp dụng từ tháng 8 năm 2023

Loại cà phê	Phương pháp chế biến	Giá tối thiểu Fairtrade USD/lb	Phụ phí hữu cơ USD/lb	Phụ phí Fairtrade USD/lb
Arabica	Ướt Ướt	1.80	0,40	0,20
Arabica	Tự nhiên	1,75	0.40	0.20
Robusta	Ướt Ướt	1.25	0.40	0.20
Robusta	Tự nhiên	1.20	0.40	0.20

Theo yêu cầu 4.1.1 của Tiêu chuẩn Cà phê Fairtrade dành cho các nhà sản xuất quy mô nhỏ, khi giá thị trường vượt quá Giá Mua Cà phê Công bằng (FMP), các tổ chức sản xuất, người trả tiền và người vận chuyển phải thỏa thuận về giá cà phê dựa trên tham chiếu giá thị trường của Fairtrade tại².

² Xem Tiêu chuẩn Fairtrade cho Cà phê để xem cách giá cà phê và khoản phụ cấp được áp dụng.
<https://www.fairtrade.net>

Chi phí sản xuất cà phê 2023-2024

Bảng 1.2 trình bày mẫu được sử dụng để thu thập dữ liệu từ vụ mùa 2023-2024 từ các tổ chức sản xuất cà phê quy mô nhỏ được chứng nhận Fairtrade (SPOs).

Bảng 1.2. Mẫu được sử dụng để thu thập dữ liệu

	Quốc gia	SPO	Nông dân	Loại cà phê	Thông thường/ Hữu cơ
1	Rwanda	3	17	Arabica	Hữu cơ/Thông thường
2	Uganda	3	42	Robusta/Arabica	Hữu cơ
3	Ethiopia	3	23	Arabica	Hữu cơ
4	Kenya	3	38	Arabica	Thông thường
5	Brazil	3	15	Robusta/Arabica	Thông thường
6	Colombia	8	15	Arabica	Hữu cơ/Thông thường
7	Honduras	7	15	Arabica	Hữu cơ
8	Mexico	4	15	Arabica	Hữu cơ
9	Nicaragua	3	15	Arabica	Hữu cơ/Thông thường
10	Peru	10	15	Arabica	Hữu cơ
11	Indonesia	4	15	Arabica	Hữu cơ
12	Việt Nam	3	Không áp dụng*	Robusta	Thông thường
13	Ấn Độ	3	Không có*	Robusta	Hữu cơ
Tổng		57	225		

Lưu ý: Trong trường hợp Việt Nam và Ấn Độ, các cuộc thảo luận nhóm tập trung trực tuyến đã được tổ chức.

Dữ liệu thu thập bao gồm chi phí ở ba cấp độ: giá tại nông trại, giao hàng tại kho và Giá giao trên tàu (FOB) . Dữ liệu được thu thập thông qua một mẫu biểu mới được phát triển và thử nghiệm thực địa, được thiết kế để thu thập thông tin tốt hơn từ các nhà sản xuất hữu cơ và những người áp dụng các thực hành thân thiện với đa dạng sinh học.

Dữ liệu cho Ấn Độ và Việt Nam được lấy từ các cập nhật trong quá trình đánh giá giá cà phê năm 2022, sau đó được xác minh thông qua các phiên thảo luận nhóm tập trung trực tuyến do các tổ chức sản xuất dẫn dắt.

Sau khi làm sạch và xác minh dữ liệu hợp tác với Mạng lưới Nhà sản xuất và đại diện SPO, dữ liệu được tổng hợp và xử lý sử dụng tỷ giá hối đoái và số liệu lạm phát cập nhật tính đến tháng 9 năm 2025. Các hệ số chuyển đổi được áp dụng để tính toán giá trị FOB theo đơn vị Green Bean Equivalent (GBE).

Theo quy trình thiết lập giá cà phê Fairtrade hiện hành, phân tích đã phân chia mẫu để phân biệt giá theo loại cà phê (Arabica so với Robusta), phương pháp sản xuất (hữu cơ so với truyền thống) và loại chế biến (ướt Uớtso với tự nhiên). Cả giá trung bình và giá trung vị đều được

xem xét trong quá trình tham vấn. Việc lựa chọn các chỉ số này dựa trên khả năng giữ cho phân tích đơn giản và minh bạch. Các kết quả chính từ Nghiên cứu COSP được tổng hợp và quản lý với tính bảo mật, vì nó chứa dữ liệu nhạy cảm về kinh doanh từ các nhà sản xuất cà phê.

Phương pháp luận

Chi phí sản xuất bền vững của cà phê (COSP) đại diện cho các giá trị trung bình trên toàn cầu và theo loại cà phê, và được tính toán ở cấp độ toàn cầu. Điều này có nghĩa là nó được thiết kế để phản ánh chi phí sản xuất chung trên toàn thế giới, chứ không phải các con số cụ thể cho từng nguồn gốc riêng lẻ. Các yếu tố sau đây giúp xác định những gì cấu thành giá FOB toàn cầu, được biểu thị bằng đô la Mỹ và GBE:

- Nó có thể cao hơn hoặc thấp hơn chi phí sản xuất tại các vùng nguyên liệu cụ thể.
- Nó tính đến các bối cảnh nông nghiệp đa dạng, bao gồm mức độ năng suất, quy mô trang trại, các thực hành bền vững và chi phí giao dịch như vận chuyển và phí xuất khẩu.
- Giá trị FOB của từng quốc gia có thể bị ảnh hưởng bởi lạm phát gần đây và biến động tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi giá địa phương sang đô la Mỹ, khiến việc so sánh giữa các quốc gia hoặc với mức cơ sở trở nên khó khăn.

Trong phần tiếp theo, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin về tổ chức của mình và vai trò của bạn trong chuỗi cung ứng. Điều này đặc biệt quan trọng vì nó giúp chúng tôi hiểu được góc nhìn của các câu trả lời được cung cấp. Chúng tôi kính mong bạn hoàn thành bảng câu hỏi trước khi tiến hành cuộc tham vấn. Tùy thuộc vào mức độ chi tiết của câu trả lời, cuộc khảo sát mà bạn sắp trả lời sẽ mất khoảng 20 phút để hoàn thành.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn



PHẦN 2 TƯ VẤN

1. Thông tin về tổ chức của quý vị

Cuộc tham vấn này dành cho các tổ chức (ví dụ: Tổ chức Sản xuất Quy mô Nhỏ - SPO, Nhà buôn). Nếu bạn là Tổ chức Sản xuất Quy mô Nhỏ (SPO), chúng tôi khuyến khích bạn mời các thành viên của mình tham gia. Vui lòng cung cấp thông tin dưới đây. Các phản hồi của bạn sẽ được sử dụng duy nhất cho việc phân tích cuộc tham vấn.

1.1 Thông tin về tổ chức

Vui lòng cung cấp thông tin cơ bản về tổ chức của bạn.

Tên của tổ chức của bạn	
Nếu là tổ chức sản xuất: Cấp độ của tổ chức (1, ² , 3) (nếu áp dụng)	Chọn
Tên người liên hệ	
Email	
Số điện thoại	
Quốc gia	
Khu vực	Chọn
FLO ID (nếu có)	

1.2 Chuỗi cung ứng Vai trò chính

1.2.1 Vui lòng chọn tất cả các ô tương ứng với các hoạt động mà tổ chức của bạn thực hiện trong chuỗi cung ứng, lưu ý rằng có thể chọn nhiều đáp án:

- | | |
|---|--|
| ☐ Tổ chức sản xuất | ☐ Nhà rang xay/Nhà sản xuất |
| ☐ Nhà chế biến | ☐ Thương hiệu |
| ☐ Nhà xuất khẩu | ☐ Nhà bán lẻ |
| ☐ Nhà nhập khẩu | ☐ Đơn vị được cấp phép |

1.2.2 Nếu bạn không đại diện cho bất kỳ tổ chức nào trong chuỗi cung ứng cà phê được liệt kê tại 1.2.1, vui lòng chỉ định tổ chức mà bạn đại diện trong cuộc tham vấn này bằng cách chọn từ danh sách dưới đây:

- ☐ NFO (Tổ chức Thương mại Công bằng Quốc gia)
☐ Mạng lưới Nhà sản xuất Thương mại Công Bằng
☐ NGO (Tổ chức phi chính phủ)

Khác, vui lòng ghi rõ:

1.3 Loại cà phê

Chỉ cung cấp thông tin cho cà phê được sản xuất, bán hoặc mua theo điều kiện Fairtrade.

1.3.1 Chỉ ra các loại cà phê nào là một phần của hoạt động Fairtrade của tổ chức bạn.

☐ Arabica

☐ Robusta

☐ Cả Robusta và Arabica

1.3.2 Cung cấp tỷ lệ phần trăm xấp xỉ của cà phê Arabica và/hoặc Robusta mà tổ chức của bạn đã bán hoặc mua theo điều kiện Fairtrade trong hai năm qua, được thể hiện dưới dạng phần trăm.

Arabica: %

Robusta: %

1.3.3 Sử dụng các ô chọn trong bảng dưới đây để chỉ định các phương pháp chế biến ươm·Ướt hoặc tự nhiên) và loại sản xuất (chỉ truyền thống, chỉ hữu cơ hoặc cả hai) của cà phê **Arabica** mà tổ chức của bạn bán hoặc mua.

Arabica			
Loại sản xuất/xử lý	Chỉ truyền thống	Chỉ hữu cơ	Cả hữu cơ và truyền thống
Ướt	☐	☐	☐
Tự nhiên	☐	☐	☐

1.3.4 Dựa trên câu trả lời của bạn ở mục 1.3.3 về **Arabica**, tỷ lệ xấp xỉ của cà phê bạn đã bán/mua theo điều kiện Fairtrade trong hai năm qua là bao nhiêu? Vui lòng cung cấp một tỷ lệ phần trăm ước tính.

Loại chế biến	Hữu cơ (%)	Thông thường (%)
Ướt		
Tự nhiên		

1.3.5 Sử dụng các ô chọn trong bảng dưới đây để chỉ định các phương pháp chế biến (Ướt hoặc tự nhiên) và loại sản xuất (chỉ truyền thống, chỉ hữu cơ hoặc cả hai) của cà phê **Robusta** mà tổ chức của bạn bán hoặc mua.

Robusta			
Loại sản xuất/xử lý	Chỉ truyền thống	Chỉ hữu cơ	Cả hữu cơ và truyền thống
Ướt	☐	☐	☐
Tự nhiên	☐	☐	☐

1.3.6 Dựa trên câu trả lời của bạn ở mục **1.3.5**, tỷ lệ xấp xỉ của cà phê **Robusta** mà bạn đã bán/mua theo điều kiện Fairtrade trong hai năm qua là bao nhiêu? Vui lòng cung cấp một tỷ lệ phần trăm ước tính.

Loại chế biến	Hữu cơ (%)	Thông thường (%)
Ướt		
Tự nhiên		

1.4 Các khu vực cung ứng cà phê Fairtrade

Dành cho người mua cà phê. Vui lòng chỉ định các khu vực mà bạn nhập khẩu cà phê Fairtrade. (Cho phép chọn nhiều đáp án)

- ☐ Châu Mỹ Latinh và Caribe
☐ Châu Phi
☐ Châu Á

Khác, vui lòng ghi rõ:

2. Tham vấn về Giá tối thiểu Fairtrade

Định nghĩa

Giá tối thiểu Fairtrade dựa trên nguyên tắc bù đắp chi phí sản xuất bền vững trung bình của sản phẩm, đồng thời cho phép người sản xuất trung bình sản xuất một cách kinh tế và tài chính bền vững mà không gây ra tổn thất kinh tế hệ thống. Điều này không chỉ yêu cầu bù đắp chi phí sản xuất trung bình mà còn phải xem xét sự chấp nhận của thị trường để đảm bảo rằng Giá tối thiểu Fairtrade (FMP) không làm ảnh hưởng đến khả năng bán sản phẩm

Phương pháp

Khi áp dụng, các đề xuất giá bao gồm cả giá trị trung bình và trung vị toàn cầu từ COSP do các nhà sản xuất Fairtrade được chứng nhận báo cáo.

- Giá trị trung bình là giá trị trung bình cộng, được tính bằng cách chia tổng chi phí sản xuất của tất cả các quốc gia trong GBE và các loại cà phê ở mức FOB cho số lượng dữ liệu. Nó phản ánh sự phân chia đều và nhạy cảm với các quốc gia có chi phí sản xuất cực cao hoặc cực thấp.
- Giá trị trung vị là điểm giữa của tập dữ liệu, chia nó thành hai phần bằng nhau. Nó cung cấp cái nhìn cân bằng hơn về chi phí sản xuất điển hình, đặc biệt khi có các giá trị cực đoan. Khác với trung bình, trung vị không bị ảnh hưởng bởi các giá trị rất cao hoặc rất thấp. Nó đơn giản là số nằm ở giữa khi tất cả các giá trị được sắp xếp theo thứ tự. Trong phân tích hiện tại, một số giá trị trung vị không được bao gồm do hạn chế về mẫu.

Bảng 2.1 Đề xuất Giá tối thiểu Công bằng Thương mại

Mức FOB của GBE

Được biểu thị bằng USD/lb.

Loại cà phê	Hệ thống sản xuất	Phương pháp chế biến	Hiện tại	Đề xuất để tham khảo		
				Tùy chọn 1 Không thay đổi	Tùy chọn 2 Trung bình	Tùy chọn 3 Trung bình
Arabica	Thông thường	Ướt	1.80	1,80	2.00	2.25
Arabica	Thông thường	Tự nhiên	1.75	1.75	1,95	2.20
				Tùy chọn 1 Không thay đổi	Tùy chọn 2 Trung bình	
Robusta	Thông thường	Ướt	1.25	1.25	1.35	
Robusta	Thông thường	Tự nhiên	1.20	1.20	1.30	

Lưu ý: Các giá trị đã được làm tròn để dữ liệu dễ đọc hơn và tránh hiển thị chi tiết không cần thiết

2.1 Arabica Truyền thống

Arabica Thường Ướt

Đề xuất. Cà phê Arabica truyền thống Ướt sạch được đề xuất sử dụng cả giá trị trung bình (\$2.25 USD/lb) và giá trị trung vị (\$2.00 USD/lb).

Lý do. Dựa trên Nghiên cứu COSP 2023–2024, chi phí sản xuất cho cà phê Arabica Thường Ướt tăng 24% theo giá trung bình và 12% theo giá trung vị so với mức FMP hiện tại là \$1.80 USD/lb.

Mẫu cà phê Arabica Thường Ướt bao gồm dữ liệu cà phê Fairtrade từ Colombia, Kenya, Nicaragua và Rwanda. Đối với tùy chọn trung bình, tất cả các quốc gia trong mẫu đều được xem xét, vì tính toán trung bình (*tùy chọn 3 – trung bình* từ bảng 2.1) phản ánh sự phân phối công bằng và nhạy cảm với các quốc gia có chi phí sản xuất cao đáng kể (ví dụ: Nicaragua) hoặc thấp (ví dụ: Kenya).

Trong trường hợp lựa chọn trung vị được tham khảo (*lựa chọn 2 – trung vị* từ bảng 2.1), chỉ các quốc gia gần trung tâm mới được xem xét. Trong trường hợp có các giá trị cực đoan, trung vị không bị ảnh hưởng bởi các giá trị cao như Nicaragua hoặc các giá trị thấp như Kenya.

Arabica Truyền thống Tự nhiên

Đề xuất. Các đề xuất về giá tối thiểu cho Arabica thường được chế biến theo phương pháp Tự nhiên được trình bày dựa trên cả giá trung bình (: \$2.20 USD/lb) và giá trung vị (median: \$1.95 USD/lb).

Lý do. Phương pháp định giá tuân theo phương pháp đã được thiết lập trong đánh giá giá cà phê năm 2011 và 2022, duy trì chênh lệch cố định \$0.05 USD/lb (5 xu) giữa cà phê chế biến tự nhiên và ướt/ướt.

Nghiên cứu chi phí sản xuất không cung cấp đủ bằng chứng để thiết lập giá riêng cho cà phê Ướt hoặc Tự nhiên. Do đó, theo tiền lệ từ năm 2011 và cuộc tham vấn giá cà phê năm 2022–2023 – nơi mức chênh lệch 5 xu được đón nhận tích cực – phương pháp tương tự được duy trì, được Nhóm Dự án đánh giá là đơn giản và dễ dự đoán cho các cuộc đàm phán hợp đồng. Kết quả là, sau khi giá cà phê Arabica Ướt được chọn, giá cà phê Tự nhiên sẽ được xác định tự động dựa trên mức chênh lệch 5 xu.

Nhóm Dự án đã xem xét phương pháp tính trung bình có trọng số, nhưng cuối cùng không áp dụng. Trung bình có trọng số, dựa trên tỷ trọng doanh số Fairtrade của từng quốc gia trong mẫu, ngụ ý rằng các quốc gia có chi phí sản xuất cao đáng kể và đồng thời có tỷ trọng doanh số Fairtrade lớn sẽ tạo áp lực tăng lên trung bình chung. Nhóm Dự án do đó đã đạt được sự đồng thuận khuyến nghị không sử dụng giá trị có trọng số theo doanh số Fairtrade, vì điều này sẽ không phản ánh công bằng tất cả các nguồn gốc và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cân bằng khu vực.

Chúng tôi cũng xem xét áp dụng điều chỉnh lạm phát cho giá hiện tại của Arabica đã Ướt. Tuy nhiên, phương pháp này sẽ phản ánh sự thay đổi dựa trên giá thị trường cuối cùng thay vì dữ liệu chi phí sản xuất thực tế.

Câu hỏi về Arabica Thường chế biến Ướt & Tự nhiên

Giá FMP hiện tại cho cà phê Arabica thông thường đã qua xử lý ướt là 1,80 USD/lb và cho cà phê Arabica thông thường đã qua xử lý khô là 1,75 USD/lb.

2.1.1 Bạn cho rằng giá trị FMP (USD/lb GBE) nào là phù hợp nhất cho từng loại cà phê Arabica Thường Ướt và Tự nhiên? (Vui lòng chọn một tùy chọn duy nhất)

Loại cà phê	Hệ thống sản xuất	Phương pháp chế biến	Tùy chọn 1 Không thay đổi ☐	Tùy chọn 2 ☐	Tùy chọn 3 ☐
Arabica	Thông thường	Ướt	1,80 USD/lb	2,00 USD/lb	2,25 USD/lb
Arabica	Thông thường	Tự nhiên	1,75 USD/lb	1,95 USD/lb	2,20 USD/lb
Lý do đồng ý			Tôi cho rằng việc không thay đổi là lựa chọn hợp lý nhất.	Tôi cho rằng phương án 2 là hợp lý cho cả thị trường và nhà sản xuất, dựa trên chi phí sản xuất trung bình của các nhà sản xuất Fairtrade (Nghiên cứu COSP 2023-2024).	Tôi cho rằng Phương án 3 là hợp lý cho cả thị trường và nhà sản xuất dựa trên chi phí sản xuất trung bình (Nghiên cứu COSP 2023-2024).

2.1.2 Trong trường hợp bạn không chọn Lựa chọn 2 hoặc Lựa chọn 3, lý do nào sau đây phù hợp hơn để giải thích quyết định của bạn?

Lý do A ☐	Lý do B ☐
Tôi cho rằng các phương án 2 và 3 là không hợp lý vì mức giá này quá thấp đối với các nhà sản xuất	Tôi cho rằng các phương án 2 và 3 là không hợp lý vì mức giá này quá cao

2.1.3 Trong trường hợp bạn không đồng ý với mức chênh lệch 5 xu giữa cà phê đã Ướt và cà phê tự nhiên, lý do nào sau đây phản ánh quan điểm của bạn về mức chênh lệch đề xuất này?

Lý do A ☐	Lý do B ☐
Tôi cho rằng mức chênh lệch nên cao hơn, vì mức chênh lệch 5 xu là quá thấp và không phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất thực tế.	Tôi cho rằng mức chênh lệch nên thấp hơn, vì mức chênh lệch 5 xu là quá cao và không phản ánh đúng chi phí sản xuất thực tế.

2.2 Robusta Truyền thống

Robusta Truyền thống chế biến Tự nhiên

Đề xuất. Đề xuất giá tối thiểu cho cà phê Robusta Thường chế biến Tự nhiên được trình bày dựa trên giá trung bình \$1.30 USD/lb, như thể hiện trong bảng 2.1. Điều này là do kích thước mẫu quá nhỏ để đề xuất giá trị trung vị.

Lý do. Nghiên cứu COSP 2023–2024 cho thấy chi phí sản xuất của cà phê Robusta Thường chế biến Tự nhiên tăng trung bình 8,3% so với mức giá FMP hiện tại là \$1.20 USD/lb. Mẫu cho cà phê Robusta Thường chế biến Tự nhiên bao gồm các nguồn gốc Brazil và Việt Nam.

Robusta Thường chế biến Ướt

Đề xuất. Đề xuất FMP cho Robusta Thường chế biến Ướt là \$1.35 USD/lb.

Cuộc tham vấn cũng bao gồm tùy chọn “không thay đổi” cho tất cả các phương pháp chế biến cà phê và giống cà phê (Arabica và Robusta), cho phép các bên liên quan lựa chọn mức giá hiện tại mà không có bất kỳ thay đổi nào.

Lý do. Nghiên cứu COSP không cung cấp đủ bằng chứng để thiết lập giá riêng cho cà phê Ướt hoặc cà phê tự nhiên. Do đó, theo tiền lệ từ năm 2011 và cuộc tham vấn giá cà phê năm 2022–2023 – nơi chênh lệch 5 cent được đón nhận tích cực – cách tiếp cận tương tự được duy trì, được Nhóm Dự án đánh giá là đơn giản và dễ dự đoán cho các cuộc đàm phán hợp đồng. Do đó, sau khi giá cà phê Robusta chế biến Tự nhiên được lựa chọn, giá cà phê Robusta chế biến Ướt sẽ được xác định tự động dựa trên chênh lệch 5 cent. Cuối cùng, tương tự như cách tiếp cận đối với Arabica, một giá trung bình có trọng số đã được xem xét cho Robusta, nhưng cũng bị loại trừ.

Câu hỏi về Robusta Thường chế biến Tự nhiên & Ướt

Giá FMP hiện tại cho cà phê Robusta Thường chế biến Ướt là 1,25 USD/lb và cho cà phê Robusta Thường chế biến Tự nhiên là 1,20 USD/lb.

2.2.1 Bạn cho rằng giá trị FMP (USD/lb GBE) nào là phù hợp nhất cho từng loại cà phê Robusta Thường chế biến Ướt và Tự nhiên? (Vui lòng chọn một tùy chọn duy nhất)

Loại cà phê	Hệ thống sản xuất	Phương pháp chế biến	Tùy chọn 1 Không thay đổi ☐	Tùy chọn 2 ☐
Robusta	Thông thường	Ướt	1,25 USD/lb	1,35 USD/lb
Robusta	Thông thường	Tự nhiên	1,20 USD/lb	1,30 USD/lb
Lý do đồng ý			Tôi cho rằng không thay đổi là lựa chọn hợp lý nhất.	Tôi cho rằng lựa chọn 2 là hợp lý cho cả thị trường và nhà sản xuất, dựa trên chi phí sản xuất trung bình của các nhà sản xuất Fairtrade (Nghiên cứu COSP 2023-2024)

2.2.2 Trong trường hợp bạn không chọn Lựa chọn 2, lý do nào sau đây phù hợp hơn để giải thích quyết định của bạn?

Lý do A ☐	Lý do B ☐
Tôi cho rằng lựa chọn 2 là không hợp lý vì nó quá thấp đối với các nhà sản xuất.	Tôi cho rằng tùy chọn 2 không hợp lý vì mức giá quá cao

2.2.3 Trong trường hợp bạn không đồng ý với mức chênh lệch 5 xu giữa cà phê đã chế biến Ướt và cà phê chế biến tự nhiên, lý do nào sau đây phản ánh quan điểm của bạn về mức chênh lệch đề xuất này?

Lý do A ☐	Lý do B ☐
Tôi cho rằng mức chênh lệch nên cao hơn, vì mức chênh lệch 5 xu là quá thấp và không phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất thực tế.	Tôi cho rằng mức chênh lệch nên thấp hơn, vì mức chênh lệch 5 xu là quá cao và không phản ánh đúng chi phí sản xuất thực tế.

3. Tham vấn về Chênh lệch Giá cho Sản phẩm Hữu cơ

Lý do. Nhóm Dự án đã phân tích khoảng cách chi phí giữa chi phí sản xuất trong hệ thống hữu cơ so với hệ thống truyền thống. Mẫu sản xuất hữu cơ bao gồm Ấn Độ và Uganda cho Robusta chế biến Tự nhiên. Colombia, Ethiopia, Honduras, Indonesia, Mexico, Nicaragua, Peru, Rwanda, Uganda cho Arabica chế biến Ướt hữu cơ, và Ethiopia cho Arabica chế biến Tự nhiên.

Dữ liệu thu thập đại diện cho chi phí sản xuất trong vụ mùa 2023-2024 cho thấy chi phí quản lý vụ mùa ở cấp độ nông dân cao hơn ở mức trung bình và trung vị. Các tính toán cho thấy một số giá trị chênh lệch tiềm năng sử dụng ước tính chi phí trung bình và trung vị. Các giá trị này thấp hơn một chút—nhưng gần với—chênh lệch hiện tại là \$0,40 USD/lb (40 xu).

Đề xuất. Dựa trên kết quả nghiên cứu COSP được trình bày ở trên và bối cảnh thị trường hiện tại, đặc trưng bởi giá cà phê quốc tế cao và biến động, các thành viên của Nhóm Dự án Fairtrade khuyến nghị duy trì mức chênh lệch hiện tại là \$0.40 USD/lb (40 xu) để đảm bảo ổn định, tránh gián đoạn trong các cam kết của người mua hiện tại và cung cấp cho nông dân một mức chênh lệch cố định, đã được thiết lập và hiểu rõ trên thị trường.

Câu hỏi về chênh lệch hữu cơ

Mức chênh lệch hữu cơ Fairtrade hiện tại (phí trả cho chứng nhận hữu cơ) cho tất cả các loại cà phê Fairtrade được thiết lập ở mức \$0.40 USD/lb (40 xu). Nhóm Dự án khuyến nghị duy trì mức chênh lệch hữu cơ \$0.40 USD/lb này cho tất cả các loại cà phê Fairtrade.

3.1 Mức độ đồng ý của bạn với việc duy trì mức chênh lệch hữu cơ \$0,40 USD/lb là bao nhiêu?

Mức độ đồng ý	Ý nghĩa	Chọn
Hoàn toàn đồng ý	Tôi hoàn toàn hài lòng với mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở mức \$0.40 USD/lb (40 xu) và tôi cho rằng nó rất phù hợp	☐
Đồng ý	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở mức \$0.40 USD/lb là hợp lý và có thể chấp nhận được	☐
Không đồng ý cũng không phản đối	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ hiện tại là có thể chấp nhận được, nhưng có một số ý kiến hoặc lo ngại nhỏ về tính phù hợp của nó	☐
Không đồng ý (một chút thấp)	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở mức \$0.40 USD/lb là không chấp nhận được vì tôi cho rằng nó hơi thấp.	☐
Không đồng ý (một chút cao)	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở \$0.40 USD/lb là không chấp nhận được vì tôi cho rằng nó hơi cao.	☐
Không đồng ý mạnh (quá thấp)	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở \$0.40 USD/lb là không phù hợp vì tôi cho rằng nó quá thấp.	☐
Hoàn toàn không đồng ý (quá cao)	Tôi cho rằng mức chênh lệch hữu cơ được thiết lập ở \$0.40 USD/lb là không phù hợp vì tôi cho rằng nó quá cao.	☐

4. Tư vấn về Phí Fairtrade

Phí Fairtrade (FP) được thiết kế để cung cấp cho nông dân nguồn lực bổ sung để đầu tư vào việc cải thiện điều kiện xã hội, kinh tế và môi trường của họ, và điều này là thiết yếu đối với các tổ chức sản xuất để tài trợ cho các hoạt động giảm thiểu và ứng phó với rủi ro³. Quyết định về cách sử dụng thu nhập này được đưa ra một cách dân chủ bởi các thành viên của tổ chức sản xuất. Hiện tại, mức Phí Thương mại Công bằng cho cà phê được thiết lập ở mức \$0.20 USD/lb, tương đương khoảng 11% của mức Phí Thương mại Công bằng hiện tại cho cà phê Arabica thông thường đã qua xử lý.

Fairtrade thừa nhận những kỳ vọng ngày càng tăng về việc giải quyết các rủi ro về nhân quyền và môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, trong bối cảnh giá thị trường hiện tại đang ở mức cao, các bên liên quan cần nhận thức rằng FP là một lợi ích bổ sung – bổ sung cho mức giá cơ bản đã cao.

Lý do

Phí phúc lợi Fairtrade đã không thay đổi kể từ năm 2011. Trong quá trình tham vấn năm 2022/23, đa số các bên liên quan ủng hộ việc giữ nguyên các giá trị Phí Fairtrade hiện tại. Đối với quá trình tham vấn hiện tại, hai phương pháp luận đã được đề xuất:

Phương pháp đầu tiên tính toán mức **tăng tỷ lệ** phần trăm của Phí phúc lợi Fairtrade bằng cách áp dụng tỷ lệ tăng chi phí FOB cho Arabica thông thường (tăng 24% dựa trên trung bình và tăng 12% dựa trên trung vị) và Robusta thông thường (tăng 8% dựa trên trung bình).

Phương pháp thứ hai điều chỉnh Phí phúc lợi Fairtrade ban đầu bằng cách áp dụng **lạm phát tích lũy** từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 9 năm 2025 (45%). Phương pháp này đảm bảo Phí Fairtrade duy trì sức mua ban đầu kể từ lần cuối cùng nó được thiết lập ở mức giá trị hiện tại.

Đề xuất

Sự tăng tỷ lệ phần trăm của Phí phúc lợi Fairtrade dựa trên mức tăng phần trăm chi phí FOB cho cà phê Arabica và Robusta thông thường cho thấy giá trị trung bình là \$0,25 USD/lb cho Phí phúc lợi Fairtrade.

Xem xét **lạm phát tích lũy** kể từ năm 2011 với tỷ lệ 45%, kết quả là giá trị trung bình \$0.30 USD/lb cho Phí phúc lợi Fairtrade. Nhóm Dự án đã quyết định không sử dụng giá trị này trong quá trình tham vấn vì mức tăng 45% sẽ quá cao so với các đề xuất giá cà phê Fairtrade khác. Xem xét quyết định năm 2022 không điều chỉnh Phí phúc lợi Fairtrade do lo ngại phản ứng thị trường, và xét rằng mức tăng 45% sẽ vượt quá đáng kể tỷ lệ thay đổi được chỉ ra trong nghiên cứu chi phí hiện tại cho giá Arabica và Robusta, Nhóm Dự án đề xuất tiếp tục áp dụng tỷ lệ thay đổi đối xứng được đề xuất trong phương pháp luận đầu tiên.

³ Yêu cầu 4.1.5 của [Tiêu chuẩn Cà phê Fairtrade](#) quy định mức phụ cấp Fairtrade tối thiểu 5 xu mỗi pound cà phê bán ra để nâng cao năng suất, chất lượng và/hoặc thúc đẩy các thực hành nông nghiệp bền vững.

Câu hỏi về Phí Fairtrade

Mức phúc lợi Fairtrade hiện tại cho cà phê là \$0.20 USD/lb. Đã đề xuất tăng giá lên \$0.25 USD/lb.

4.1 Trong các mức giá Phí phúc lợi Fairtrade được đề xuất sau đây, bạn cho rằng mức nào là phù hợp nhất? (Vui lòng chọn một tùy chọn)

Tùy chọn	Giá trị	Chọn
Tùy chọn 1: Không thay đổi	\$0.20 USD/lb.	☐
Tùy chọn 2	\$0,25 USD/lb.	☐

4.2 Bạn hài lòng như thế nào với giá trị mới được đề xuất là \$0.25 USD/lb? Vui lòng cho biết mức độ hài lòng của bạn bằng cách chọn tùy chọn phù hợp nhất dưới đây

Mức độ đồng ý		Chọn
Đồng ý	Giá trị này được coi là hợp lý, vì nó được hỗ trợ bởi kết quả của nghiên cứu COSP 2023–2024 và sự chấp nhận của thị trường	☐
Không đồng ý (quá thấp)	Tôi cho rằng \$0.25 USD/lb. là quá thấp	☐
Không đồng ý (quá cao)	Tôi cho rằng \$0.25 USD/lb. là quá cao	☐

5. Tham vấn về ngày có hiệu lực

Lý do

Hợp đồng cà phê có sự khác biệt lớn tùy theo khu vực. Tại Mexico và Trung Mỹ, hợp đồng thường được ký kết từ tháng 8 đến tháng 9. Tại Châu Á, đàm phán thường bắt đầu vào tháng 7, với hợp đồng được ký kết từ tháng 10 đến tháng 11. Tại Nam Mỹ, hợp đồng thường được hoàn tất vào cuối năm – khoảng tháng 3 hoặc tháng 4. Đối với các nước Châu Phi, cả hai khoảng thời gian chuyển tiếp 3 tháng và 6 tháng đều được áp dụng phổ biến, đặc biệt tại các thị trường như Uganda và Ethiopia.

Lưu ý rằng các hợp đồng cà phê Fairtrade được thỏa thuận trước ngày hiệu lực sẽ tham chiếu đến giá Fairtrade hiện tại. Đối với các hợp đồng được ký kết sau ngày hiệu lực, giá Fairtrade mới cho cà phê phải được tuân thủ. Quyết định về giá Fairtrade dự kiến sẽ được công bố vào tháng 7 năm 2026. Đề xuất dưới đây tuân theo ngày công bố dự kiến.

Đề xuất

Thời gian chuyển tiếp 3 tháng đủ ngắn để thể hiện sự linh hoạt và phù hợp với chu kỳ của Trung Mỹ, trong khi thời gian chuyển tiếp 6 tháng phù hợp với các thị trường châu Á và Nam Mỹ. Cả hai đều cân bằng giữa tính khả thi, công bằng và ổn định thị trường – khiến chúng trở thành các lựa chọn phù hợp nhất. Thời gian chuyển tiếp 3, 6 và 9 tháng được đề xuất dưới đây. Điều này nhằm cho phép các bên liên quan thương mại chuẩn bị cho bất kỳ thay đổi nào về giá cà phê Fairtrade.

Câu hỏi về ngày có hiệu lực

5.1 Thời gian chuyển tiếp nào nên áp dụng cho việc thực hiện giá sau khi công bố FMP và FP?

Tùy chọn	Chọn
3 tháng	☐
6 tháng	☐
9 tháng	☐

6. Phản hồi bổ sung

Phần này được thiết kế để thu thập ý kiến phản hồi của bạn về các chủ đề bổ sung mà bạn muốn chia sẻ. Điều này sẽ giúp Nhóm Dự án hiểu rõ hơn về kết quả của cuộc tham vấn này và làm cơ sở cho các đánh giá trong tương lai. Nếu bạn có ý kiến phản hồi về bất kỳ câu hỏi nào trước đó, vui lòng ghi rõ số câu hỏi và sau đó cung cấp ý kiến phản hồi của bạn. Các phản hồi nên ngắn gọn và giới hạn trong khoảng 600 ký tự.

Vui lòng giải thích lý do của bạn tại đây:

Cảm ơn!! Bạn đã kết thúc buổi tư vấn.